

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày: 05-01-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Siu Thun Prao

2. Bà Mai Thị Thanh Hằng

- *Thư ký phiên toà:* Bà Đinh Thị Thuý – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:* Không.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 108/2022/TLST-DS ngày 25/5/2022, tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 51/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn Phú Quang, xã IH, huyện CP, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Trần Quý N, sinh 1987;

Địa chỉ: 923 Hùng Vương, thị trấn CS, huyện CS, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1986 và ông Nguyễn Thanh P (Tên gọi khác là: Mười), sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn Hoà An, thị trấn NH, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 4 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày:

Vào ngày 18/9/2017, vợ chồng bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Thanh P (Tên gọi khác: Mười) có thoả thuận vay của bà T số tiền 108.300.000 đồng. Khi cho vay số tiền trên hai bên thoả thuận bà Y và ông P sẽ trả cho bà T số tiền trên trong vòng 01 năm kể từ ngày vay, đồng thời sẽ trả lãi với mức lãi suất 30%/năm. Tuy nhiên, khi đến thời hạn trả nợ vợ chồng bà Y, ông P không trả tiền cho bà T như đã thoả thuận, mặc dù bà T đã yêu cầu bà Y, ông P trả số tiền trên rất nhiều lần. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Toà án xem xét giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Thanh P có nghĩa vụ trả cho bà T toàn bộ số tiền gốc đã vay là

108.300.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán với mức lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 01/10/2017 đến ngày khởi kiện là 55 tháng với số tiền 98.877.000 đồng. Tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 207.177.000 đồng và tiền lãi chậm trả kể từ thời điểm khởi kiện cho đến khi giải quyết, xét xử xong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, hai bên thống nhất vào các năm 2018 và 2019, bà Y đã trả cho bà T số tiền 24.000.000 đồng nên còn nợ lại 84.300.000 đồng tiền gốc. Hai bên thống nhất bà Y và ông P chỉ cần trả cho bà tổng số tiền 100.000.000 đồng bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi chậm trả.

Vào tháng 7 năm 2022, vợ chồng bà Y, ông P đã trả cho bà T số tiền 40.000.000 đồng. Vì vậy, tại phiên tòa hôm nay bà T yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét buộc bà Y và ông P trả cho bà Bùi Thị T số tiền 60.000.000 đồng theo nội dung mà hai bên đã thống nhất trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài ra, bà T không có yêu cầu gì khác.

Sự việc vay mượn tiền giữa bà T với bà Y, ông P không liên quan gì đến chồng của bà T là ông Lê Đức Hiếu. Bà T đề nghị Tòa án không đưa chồng của bà là ông Hiếu tham gia tố tụng trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày: Bà Y thừa nhận có vay tiền của bà Bùi Thị T nhiều lần, sau đó hai bên đối chiếu công nợ và lập nên giấy vay tiền có nội dung vợ chồng bà vay của bà T số tiền 108.300.000 đồng như nội dung đơn khởi kiện của bà T. Vào các năm 2018 và 2019, vợ chồng bà đã trả cho bà T số tiền 24.000.000 đồng tiền gốc nên còn nợ lại 84.300.000 đồng tiền gốc. Số tiền trên là nợ chung của bà và chồng là ông Nguyễn Thanh P. Quá trình giải quyết vụ án, hai bên thống nhất vợ chồng bà trả cho bà T số tiền 100.000.000 đồng bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi chậm trả. Nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng bà Y có nguyện vọng trả số tiền trên cho bà T trong thời hạn 02 năm kể từ ngày 29/6/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Bà Bùi Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai giải quyết Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà với bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Thanh P; bà Y và ông P có địa chỉ tại thôn Hòa An, thị trấn NH, huyện CP, tỉnh Gia Lai, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Thanh P vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét điều kiện có hiệu lực của giấy thoả thuận vay tiền:

Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Thanh P thoả thuận vay tiền có nội dung: Ngày 18/9/2017, Nguyễn Thị Y cùng chồng Nguyễn Thanh P (*Mười*), có vay bà

Bùi Thị T số tiền 108.300.000 đồng. Xét các bên tham gia giao kết hoàn toàn tự nguyện và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý. Xét cả hai bên khi tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Do đó giấy vay tiền có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập và không bị vô hiệu.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Hợp đồng vay tài sản giữa bà Bùi Thị T với vợ chồng bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Thanh P lập ngày 18/9/2017 với số tiền 108.300.000 đồng là có thật. Theo giấy vay tiền nói trên thể hiện, bà Y và ông P có vay của bà T số tiền 108.300.000 đồng. Khi cho vay hai bên thỏa thuận với nhau về việc trả lãi với mức lãi suất 30%/năm. Mặc dù trong giấy vay tiền các bên không thỏa thuận với nhau về thời hạn trả nhưng cả hai bên đều thống nhất với nhau sau một năm kể từ ngày vay tiền vợ chồng bà Y, ông P có trách nhiệm trả cho bà T số tiền nói trên. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ, bà Y, ông P không trả nợ theo nội dung mà hai bên đã thỏa thuận.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên thừa nhận vào các năm 2018 và 2019 bà Y đã trả cho bà T số tiền 24.000.000 đồng tiền gốc. Các bên thống nhất, nay bà Y và ông P còn phải trả cho bà T số tiền 100.000.000 đồng bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ và được bà Y đồng ý. Tháng 7/2022, vợ chồng bà Y đã trả cho bà T số tiền 40.000.000 đồng, số tiền còn lại 60.000.000 đồng do điều kiện kinh tế quá khó khăn nên bà Y đề nghị cho vợ chồng bà trả dần số tiền trên.

Xét chứng cứ là giấy vay tiền do bà T cung cấp tại hồ sơ vụ án có chữ viết và chữ ký của bà Y, ông P và được bà Y thừa nhận. Ông P và bà Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của bà T yêu cầu Toà án xem xét giải quyết buộc ông P, bà Y có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 60.000.000 đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

Từ các phân tích nêu trên, căn cứ các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Thanh P phải trả cho bà Bùi Thị T số tiền 60.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn là bà Y, ông P phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm của vụ kiện là 3.000.000 đồng ($60.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.000.000 \text{ đồng}$) để sung vào công quỹ Nhà nước. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố Tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T

1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Thanh P có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị T số tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. *Về án phí:* Buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Thanh P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

Trả lại cho bà Bùi Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.179.425 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001052 ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai.

4. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

5. *“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Puh;
- Các đương sự;
- Thi hành án DS huyện Chư Puh;
- Lưu TA, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Trung